

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chúc

Bà Hoàng Thị Điền

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thế Q, sinh ngày 10/07/1988

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Vân Tr, huyện L, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: 01 con, sinh năm 2014; Tiền sự: không; Tiền án: 2 tiền án

+ Bản án số 281/2012/HSST ngày 06/9/2012 của Tòa án nhân dân Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 11.000.000đ), chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/01/2013.

+ Bản án số 70/2013/HSST ngày 06/11/2013 của TAND huyện Lập Thạch xử phạt 02 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 17.100.000đ), chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2015, chưa chấp hành xong các khoản bồi thường trong bản án, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bản án số 68/2006/HSST ngày 12/7/2006 của TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 04 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Tú M, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Vân Tr, huyện L, tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Vân Tr, huyện L, tỉnh V

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Vân Tr, huyện L, tỉnh V

3. Anh Trần Trung K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Văn L, xã Xuân H, huyện L, tỉnh V

4. Anh Khổng Văn B, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã Tử D, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 26/11/2017, Trần Thê Q đang ở quán hát của chị Trần Thị Tú M (là em gái của Q). Quân hỏi và được chị M đồng ý cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 88D1-049.96 để Q chở bạn đến thành phố V đón xe khách. Trên đường về, Q nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của chị M để lấy tiền tiêu sài nên gọi điện thoại cho Dương Thị Thu U (tức Bông) sinh năm 1995 ở thị trấn L nhờ hỏi nơi cầm cố xe giúp Q. U gọi điện cho Đỗ Xuân Đ sinh năm 1991 ở thôn S, xã Tử D, huyện L đang làm quản lý của quán Karaoke The Voice ở thị trấn L hỏi thì được Đ giới thiệu đến gặp Khổng Văn B cũng là nhân viên phục vụ quán Karaoke The Voice. Sau đó, Q đi xe mô tô của chị M đến cầm cố cho anh B lấy số tiền 4.000.000đ và viết giấy hẹn đến ngày 06/12/2017 sẽ trả tiền cho anh B để lấy xe về. Q cầm số tiền trên bắt xe khách đi đến tỉnh Yên Bái chơi và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 30/11/2017, chị My viết đơn trình báo cơ quan công an. Ngày 02/12/2017, anh Khổng Văn B tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho cơ quan công an để điều tra giải quyết. Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 06/12/2017, Q về nhà nhưng không có tiền trả cho anh Khổng Văn B nên ngày 07/12/2017 anh B cũng có đơn đề nghị Cơ quan công an điều tra giải quyết.

Ngày 02/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá chiếc xe mô tô Honda Lead

BKS 88D1-049.96 của chị Trần Thị Tú M . Tại bản kết luận số 149 ngày 06/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: “01 chiếc xe mô tô BKS 88D1-049.96... được định giá 16.500.000đ (bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng)”.

Quá trình điều tra còn làm rõ: Vào tháng 10/2017 (không rõ ngày), Q mượn xe mô tô Honda Lead BKS 88D1-04996 của chị M đi chơi sau đó đem cầm cố cho anh Trần Trung K được 3.000.000đ tiêu sài cá nhân hết, Q không có khả năng trả nợ để lấy xe về nên anh Nguyễn Tuấn L (là chồng chị M) phải trả cho K 3.000.000đ để lấy xe, đến nay anh Linh tự nguyện không yêu cầu Q phải hoàn trả số tiền đã chuộc xe trên. Hành vi này của Trần Thế Q đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKS-KT ngày 19 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Trần Thế Q về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Thế Q . Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thế Q từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Buộc Q phải trả lại anh Khổng Văn B số tiền 4.000.000đ
- Xác nhận ngày 20/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho chị M chiếc xe mô tô BKS 88D1-049.96 là đúng chủ sở hữu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận ra sai trái, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế Q đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Do nghiện chất ma túy và không có nghề nghiệp nên trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2017, Trần Thế Q đã nhiều lần mượn xe mô tô Honda Lead BKS 88D1-049.96 của chị Trần Thị Tú M đem cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân hết, không có khả năng trả nợ để lấy xe về trả cho chị M. Cụ thể: Lần 1: khoảng tháng 10/2017, Q mượn xe đi chơi sau đó đem cầm cố cho Trần Trung K được 3.000.000đ tiêu sài hết , anh Nguyễn Tuấn L - chồng chị M đã chuộc xe về. Lần 2: Ngày 26/11/2017, Q mượn xe đi chơi, sau đó đem cầm cố xe cho anh Khổng Văn B được 4.000.000đ tiêu sài

cá nhân hết, đến hạn không có khả năng trả nợ để lấy xe về. Trị giá tài sản do Q mỗi lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt mà có là 16.500.000đ. Bản thân Trần Thế Q có 02 tiền án về tội danh chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thế Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

[2] Hành vi của bị cáo Trần Thế Q đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...đ) Tái phạm nguy hiểm.”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Thế Q, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, lần phạm tội này đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt là “*tái phạm nguy hiểm*”. Bị cáo đã hai lần mượn xe mô tô của chị Trần Thị Tú M đem cầm cô lấy tiền tiêu sài cá nhân hết, không có khả năng trả nợ để lấy xe về trả cho chị M, thuộc trường hợp “*phạm tội nhiều lần*” nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo là người có nhân thân xấu, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này*”. Tuy nhiên, xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Q thấy rằng: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với Dương Thị Thu U , Đỗ Xuân Đ, Khổng Văn B, Trần Trung K đều không biết chiếc xe do Q cầm cố là do phạm pháp mà có , Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông Trần V ăn T có đơn trình báo : Khoảng ngày 20/11/2017, ông cho Q mượn 01 chiếc xe mô tô BKS 88B1-023.39 để đi uống thuốc Methadone (Q nghiện chất ma túy) nhưng chưa trả. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ sau khi uống thuốc Methadone ở Trung tâm y tế huyện L , Q đem chiếc xe máy trên đến gửi ở nhà anh Trần Trung K rồi bắt xe đi tỉnh Yên Bái chơi nên chưa đến lấy, anh K cũng xác nhận việc Q gửi xe, không có việc cầm cố xe nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy trên và trả lại cho ông T. Ông T không có yêu cầu, đề nghị gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Anh Khổng Văn B yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường trả lại cho anh số tiền 4.000.000đ do Q vay khi cầm cố xe nhưng Q đã tiêu sài cá nhân hết, là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

Ngày 20/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho chị Trần Thị Tú M 01 chiếc xe máy BKS 88D1-049.96 là đúng chủ sở hữu. Nay chị M không có yêu cầu đề nghị gì, nên cần được xác nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thê Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 , Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/12/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Q phải bồi thường trả lại cho anh Không Văn B số tiền 4.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Xác nhận ngày 20/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho chị Trần Thị Tú M 01 chiếc xe máy BKS 88D1-049.96 là đúng chủ sở hữu.

Bị cáo Trần Thế Q phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ khi anh B có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì bị cáo Q còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND L
- VKSND tỉnh V
- THA L
- Công an L
- Trại giam
- Sở Tư pháp V
- Bị cáo
- Lưu hs+Vp

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp